

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2021/DS-PT

Ngày: 20 - 4 - 2021

V/v: Tranh chấp quyền sử
dụng đất và yêu cầu hủy giấy
chứng nhận quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Các Thẩm phán: Ông Vũ Hà Nam

Ông Lại Văn Tùng

- Thư ký phiên toà: Ông Bùi Ngọc Quỳnh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên toà: Ông Trần Trọng Dân - Kiểm sát viên

Trong các ngày 19 và 20 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nam Định mở phiên toà xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 02/2021/TLPT-DS ngày 04/01/2021 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền Sử dụng đất”

Do bản án dân sự sơ thẩm số 26/2020/DS – ST ngày 29 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 60/2021/QĐXX-PT ngày 09/4/2021

1. Nguyên đơn: Anh Khương Văn T, sinh năm 1983; địa chỉ: Đội 3, Đ, xã N, huyện N, tỉnh N.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Khương Văn T là ông Trần Văn N – Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Trần N và cộng sự, Đoàn Luật sư tỉnh Nam Định.

2. Bị đơn: Bà Khương Thị L (Khương Thị L1), sinh năm 1959 ; địa chỉ: Đội 3, Đ, xã N, huyện N, tỉnh N.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Khương Thị L là bà Trần Thị N - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Nam Định.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1955; địa chỉ: Đội 3, Đ, xã N, huyện N tỉnh N.

- Chị Khương Thị Đ, sinh năm 1978; địa chỉ: Làng Q, xã C, huyện Q, tỉnh B.

- Chị Khương Thị T1, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn Lý Nghĩa, xã Nghĩa Châu, huyện Nghĩa Hưng tỉnh Nam Định.

Đại diện theo ủy quyền của Bà Nguyễn Thị N1, chị Khương Thị Đ, chị Khương Thị T1 là anh Khương Văn T, sinh năm 1983; địa chỉ: Đội 3, Đ, xã N, huyện N tỉnh Nam Định.

- Ủy ban nhân dân huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn Dương – chức vụ: Chủ tịch UBND huyện Nghĩa Hưng.

Đại diện theo ủy quyền của ông Trần Văn Dương là ông Nguyễn Xuân Liễm – Chức vụ: Phó trưởng phòng, phụ trách phòng Văn hóa thông tin huyện Nghĩa Hưng. Theo giấy ủy quyền ngày 28/10/2020.

4. Người làm chứng:

- Ông Ninh Đức T2, sinh năm 1948; Địa chỉ: Xóm 17, xã N1, huyện N.

- Ông Trần Văn H1, sinh năm 1956; Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện N.

- Ông Ngô Đức N2, sinh năm 1932; Địa chỉ: Xóm 10, xã N, huyện N.

5. Người kháng cáo: Anh Khương Văn T là nguyên đơn trong vụ án.

Tại phiên tòa có mặt anh T, bà L, ông N, bà N, bà N1, chị T1, chị Đ; những người còn lại vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Khương Văn T trình bày: Ông bà nội anh tên là Khương Văn N1 và Khương Thị N2, đều đã chết. Ông bà anh sinh được 07 người con là bà Khương Thị T2 (đã chết, chưa có gia đình), ông Khương Văn T3 (đã chết, có gia đình), ông Khương Văn T4 (là bố đẻ anh T, đã chết năm 1992), bà Khương Thị L (bị đơn, không lập gia đình), ông Khương Văn T5 (đã chết, có lập gia đình), ông Khương Văn S (hiện nay đang ở thành phố H, tỉnh H), bà Khương Thị T5 (hiện nay đang ở Đội 3, Đ, xã N) và ông Khương Văn H1 (đã chết, không lập gia đình). Bố mẹ đẻ anh T là bà Nguyễn Thị N1 và ông Khương Văn T4 có 03 người con là: chị Khương Thị Đ, chị Khương Thị T1 và anh Khương Văn T. Ông T4 và bà N1 có một thửa đất diện tích là 440 m² tại xã N, huyện N tỉnh N. Nguồn gốc là do Nhà nước cấp cho ông Khương Văn T4 và Nguyễn Thị N1 vào năm 1979 cùng với mảnh đất của ông Vũ Hữu T6 cũng có mảnh đất 440 m². Cụ Khương Văn N1 và cụ bà Khương Thị N2, bà Khương Thị L không có liên quan gì tới việc cấp thửa đất này. Mảnh đất được cấp vào sổ địa bạ mang tên ông Khương Văn T4. Ông T4 và bà N1 sử dụng ổn định đến năm 1992 thì ông T4 chết. Sau khi ông T4 chết gia đình bà L đánh đập và bắt ép gia đình anh cho bà L vào ở nhờ trên mảnh đất đó.

Khi đó ông Khương Văn H (anh em nhà bà L) hướng dẫn anh T viết hai bản viết tay nội dung cô Khương Thị L ở nhờ nhà cháu T đến khi qua đời là trả lại đất cho nhà cháu T, một bản bà L giữ còn một bản ông H1 nộp xuống xã, anh T không giữ bản nào. Đến nay ông H1, bà L đều nói không có bản giấy tờ nào. Gia đình nhà anh T sử dụng ổn định đến năm 2018 thì bà L xây tường rào ngăn 1/3 đất phía mặt đường hướng tây của thửa đất giáp sông Minh Châu, ngăn không cho gia đình anh T đi lại. Anh T đã đập bức tường đó vì đây là lối đi lại từ xưa. Bà L tuyên bố có sổ đỏ và lên tiếng bán mảnh đất đó và yêu cầu chính quyền địa phương xử phạt hành chính anh T. Anh T đã bị xử phạt 2.000.000 đồng về hành vi phá bức tường đó. Hiện nay, gia đình nhà anh T chỉ còn được Sử dụng 388 m², trong đó có 200m² đất ao và 188 m² đất ở còn bà L được cấp 200 m² đất ở. Vì vậy anh T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Khương Thị L trả lại gia đình anh T diện tích đất đã được nhà nước công nhận là 200m² và hủy Giấy chứng nhận quyền Sử dụng đất mang tên bà Khương Thị L tại thửa số 104-1 tờ bản đồ số 5, xã Nghĩa Châu do Ủy ban nhân dân huyện Nghĩa Hưng cấp ngày 12/12/2004. Đối với các công trình xây dựng trên đất và hoa màu bà L đang ở anh T không chịu trách nhiệm vì việc xây dựng không xin phép gia đình anh. Anh T yêu cầu bà L phải hoàn trả lại mặt bằng cho gia đình và không có trách nhiệm bồi thường đối với các tài sản đó.

* Bị đơn bà Khương Thị L trình bày về quan hệ gia đình giống như trình bày của phía nguyên đơn. Về nguồn gốc mảnh đất tranh chấp: Do gia đình bà đông con nên bố bà là ông Khương Văn N1 được nhà nước cấp mảnh đất trên. Ông N1 cho vượt đất lên và chia một nửa giao cho ông T4 làm nhà ở phía Đông, chia cho bà một nửa còn lại ở phía Tây và bà đã ra ở từ năm 1992. Bố bà giao cho ông T4 phải có trách nhiệm với các em, tuy nhiên không may ông T4 chết nên không làm được thủ tục chia tách đất. Sau khi ông T4 chết một thời gian, ngày 14/10/1993 giữa bà và bà N1 (vợ ông T4) đã lập biên bản chuyển quyền Sử dụng đất đối với diện tích 200m², có xác nhận của chính quyền địa phương. Năm 2003 bà đăng ký quyền Sử dụng diện tích đất 200m² và đến năm 2004 bà được cấp sổ đỏ. Đối với diện tích đất của bà N1 thì bà N1 đã kê khai đăng ký quyền Sử dụng đất và được cấp sổ đỏ từ năm 2000. Như vậy việc Sử dụng của bà là hợp pháp và được nhà nước công nhận. Do đó bà không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Ủy ban nhân dân huyện Nghĩa Hưng có quan điểm: Đối với yêu cầu khởi kiện của anh Khương Văn T về việc hủy giấy chứng nhận quyền Sử dụng đất 200m² mang tên bà Khương Thị L tại thửa số 104-1 tờ bản đồ số 5, xã Nghĩa Châu do Ủy ban nhân dân huyện Nghĩa Hưng cấp ngày 12/12/2004. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết đúng theo quy định của pháp luật.

* Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Châu cung cấp: Bản đồ 299 L tại Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Châu xác định thửa đất số 1015, tờ bản đồ số 02, tỉ lệ 1/2000 lập năm 1986, diện tích 440 m² (trong đó đất ở là 320 m², đất ao là 120 m²) được đăng ký tên ông Khương Văn T4. Bản đồ địa chính lập năm 1992 chỉnh lý năm 2003 thể hiện: Bà Khương Thị L (tức L1) đăng ký thửa đất 104 -1 tờ bản đồ số 5 diện tích 200 m² đất ở, được cấp giấy chứng nhận quyền Sử dụng đất năm 2004. Bà Nguyễn Thị N1 đăng ký thửa đất 104 tờ bản đồ số 5 diện tích 388 m² (trong đó đất ở 188 m², đất ao 200 m²) được cấp giấy chứng nhận quyền Sử dụng đất năm 2000. Bà

Khuong Thị L bắt đầu chuyển tới ở thửa đất từ năm 1992. Quá trình Sử dụng đất hai bên không có tranh chấp gì. Các bên đóng góp nghĩa vụ tài chính đối với phần của mình sử dụng. Việc hai bên phát sinh tranh chấp bắt đầu từ năm 2019 nguyên nhân là do bà L xây coi nới tường rào giữa hai thửa đất.

* Những người làm chứng trình bày:

- Ông Ninh Đức T2: Vào thời điểm năm 1993 ông đảm N2 chức vụ chủ T4 Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Châu, ông khẳng định việc bà N1 chuyển quyền sử dụng đất cho bà L là có thật, chữ ký chính xác, đúng quy định của pháp luật, không có giả mạo.

- Ông Trần Văn H1: Vào năm 1993 ông đảm N2 chức vụ Phó ban tài chính xã, ông là người trực tiếp ghi biên bản có chứng kiến của ông Lịch. Bà N1 và bà L ký kết biên bản chuyển quyền sử dụng đất ngày 14/10/1993 đều vui vẻ, không ai có ý kiến gì. Biên bản ghi tên Khuong Thị N1 là lấy họ chồng.

- Ông Ngô Đức N2: Tại biên bản chuyển quyền sử dụng đất lập ngày 14/10/1993 đồng chí Trần Văn H1 là người trực tiếp ghi biên bản chuyển quyền sử dụng đất tại thửa 104 do bà Khuong Thị N1 chuyển quyền sử dụng cho bà Khuong Thị L1, ông là người trực tiếp chứng kiến bà Khuong Thị N1 ký tên vào biên bản và ký tên thay cho con trai là T vào biên bản. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã và các thành phần có liên quan ký xác nhận vào biên bản đúng theo quy định của pháp luật tại thời điểm.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2020/DS – ST ngày 29 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng quyết định.

Căn cứ vào Điều 160, 161, 165, 166 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 147, 157, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của của Ủy ban T3ờng vụ Quốc hội.

1. Xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (anh Khương Văn T) về việc đòi lại tài sản là quyền sử dụng diện tích đất tại thửa 104-1 tờ bản đồ số 5, xã Nghĩa Châu đối với bà Khuong Thị L và không chấp nhận việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Seri: X860332, ngày 12 tháng 12 năm 2004 của UBND huyện Nghĩa Hưng đã cấp cho bà Khuong Thị L đối với thửa đất 104-1 tờ bản đồ số 5, xã Nghĩa Châu:

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Khương Văn T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.480.000 đồng. Anh T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai AA/2017/0000899 ngày 03 tháng 03 năm 2020 của chi cục thi hành án dân sự huyện Nghĩa Hưng và đã thanh toán chi phí thẩm định theo hợp đồng cho công ty TNHH Ân Khánh số tiền 3.480.000 đồng (Anh T đã nộp đủ án phí và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ).

* Ngày 10/11/2020 anh Khương Văn T kháng cáo toàn bộ bản án, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Khuong Thị L.

* Tại phiên toà các đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm yêu cầu như đã nêu trên.

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo

- Bị đơn không chấp nhận yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn (ông N) phát biểu quan điểm tranh luận: Theo bản đồ 299 thì thửa đất có tranh chấp là thửa số 1015 tờ bản đồ số 02 tỉ lệ 1/2000 lập năm 1986 là của ông Khương Văn T4 (Chồng bà N1) có diện tích 440 m² (trong đó đất ở là 320 m² đất ao là 120 m²). Tuy nhiên theo Giấy chứng nhận quyền Sử dụng đất của bà Nguyễn Thị N1 cấp năm 2000 thì chỉ có 388 m² (trong đó đất ở 188 m², đất ao 200 m²), thiếu 52m². Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đòi lại 52m² bà L chiếm dụng không có căn cứ pháp luật. Ông không có ý kiến gì về việc cấp Giấy chứng nhận quyền Sử dụng đất đối với thửa đất mang tên bà L.

- Anh T nhất trí với ý kiến của ông N, nhưng vẫn đề nghị Tòa án hủy án sơ thẩm và hủy Giấy chứng nhận quyền Sử dụng đất của bà L.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn (bà N) phát biểu quan điểm tranh luận: Có căn cứ xác định bà N1 đã ký biên bản chuyển quyền Sử dụng đất cho bà L 200m² đất. Năm 2003 bà L đăng ký quyền Sử dụng đất và năm 2004 được cấp Giấy chứng nhận quyền Sử dụng đất đối với diện tích 200m². Năm 2000 bà N1 chỉ đăng ký quyền Sử dụng đất và được cấp Giấy chứng nhận quyền Sử dụng đất đối với diện tích 388m² (cấp trước bà L). Bà L làm nhà và ở trên đất từ năm 1992, bà N1 và anh T biết nhưng không ý kiến gì. Vì vậy yêu cầu khởi kiện đòi lại đất và hủy Giấy chứng nhận quyền Sử dụng đất của anh T là không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên án sơ thẩm.

- Bà L nhất trí với quan điểm tranh luận của bà N

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm 26/2020/DS – ST ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng.

- Về án phí: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của anh Khương Văn T làm trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn:

[2.1] Về nguồn gốc thửa đất: Căn cứ vào cung cấp của chính quyền địa phương và xem xét Hồ sơ địa chính L tại Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Châu thể hiện: Theo bản đồ 299 thì thửa đất có tranh chấp là thửa số 1015 tờ bản đồ số 02 tỉ lệ 1/2000 lập năm 1986 diện tích 440 m² trong đó đất ở là 320 m² đất ao là 120 m² được đăng ký tên ông Khương Văn T4, phù hợp với lời khai của nguyên đơn nên có căn cứ xác định nguồn gốc thửa đất là của ông Khương Văn T4. Thửa đất được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân giữa ông Khương Văn T4 và bà Nguyễn Thị N1, nên xác định đó là tài sản chung vợ chồng của ông T4 và bà N1. Do hai bên không có thỏa thuận phân chia tài sản trong thời kỳ hôn nhân do đó mỗi người được quyền Sử dụng định đoạt một nửa diện tích đất đã được cấp. [2.2] Xét biên bản chuyển quyền sử dụng đất đai ngày 14/10/1993: Biên bản chuyển quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị N1 (tại biên bản ghi là Khương Thị Ngít) và bà Khương Thị L (tại biên bản ghi là Khương Thị L1) thể hiện việc hai bên thỏa thuận phân chia đất, theo đó bà N1 chuyển quyền Sử dụng diện tích là 200 m² cho bà L. Trong đó đất nổi 128 m², đất ao 72 m², tại thửa đất số 104 tờ bản đồ số 5. Biên bản có chữ ký của hai bên và có chữ ký xác nhận của cán bộ địa chính và chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Châu. Bà N1 không thừa nhận việc ký kết biên bản chuyển quyền sử dụng đất ngày 14/10/1993 nhưng căn cứ lời khai của người làm chứng khẳng định có chứng kiến bà N1 ký vào biên bản chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Anh T bác bỏ biên bản chuyển quyền sử dụng đất ngày 14/10/1993 và cho rằng tên của những người tham gia ký kết biên bản ghi sai. Xét thấy các chữ ký này là do các đương sự trực tiếp viết còn việc ghi tên không chính xác là do trình độ văn hóa của những người này có hạn chế và tập quán địa phương (Vợ lấy họ chồng), do vậy việc ghi tên không chính xác của các đương sự không làm thay đổi bản chất việc chuyển quyền sử dụng đất giữa bà N1 và bà L

Do thửa đất là tài sản chung vợ chồng của ông T4 và bà N1 và thời điểm chuyển quyền thì ông Khương Văn T4 đã chết (ông T4 chết ngày 26/11/1992), do đó bà N1 có quyền định đoạt đối với một nửa diện tích thửa đất được cấp ($440 \text{ m}^2 : 2 = 220 \text{ m}^2$); bà N1 chỉ chuyển quyền sử dụng 200 m² đất cho bà L nên không vượt quá phần quyền định đoạt của bà N1 theo quy định của pháp luật.

Như vậy biên bản chuyển quyền sử dụng đất đai ngày 14/10/1993 là hợp pháp và là căn cứ xác lập quyền sử dụng đất của bà L.

[2.3] Trên cơ sở biên bản chuyển quyền sử dụng đất đai ngày 14/10/1993 và thực tế sử dụng đất, năm 2003 bà L làm đơn đăng ký quyền sử dụng đất, trong đơn ghi nguồn gốc là “Đất ông T4 (N1) trong hồ sơ 299 chuyển nhượng cho bà L”; Ủy ban nhân dân xã cũng xác nhận “Đất bà N1 trong hồ sơ 299 tách cho chị, đất không vi phạm quy hoạch, không có khiếu nại và đề nghị Ủy ban nhân dân huyện Nghĩa Hưng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 01 thửa 200m²”. Ngày 12/12/2004 bà Khương Thị L được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 200m².

[2.4] Trong đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị N1 ngày 15/10/2000, bà N1 cũng chỉ đề nghị cấp diện tích đất 388 m² (trong đó đất ở 188 m², đất ao 200 m²). Trên cơ sở đơn đăng ký quyền sử dụng đất, năm 2000 bà N1 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 388 m² (Cấp trước bà L). Đến năm 2004 bà L được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 200m² thì bà N1 và anh T không có ý kiến gì.

[2.5] Về thực tế sử dụng đất: Bà L đã trực tiếp quản lý, sử dụng đất, làm nhà trên đất và ở từ năm 1992 đến nay, bà N1 và anh T sinh sống ở thửa đất liền kề biết rõ nhưng không có ý kiến phản đối gì. Chỉ đến năm 2019 khi bà L xây tường bao thì giữa hai bên mới xảy ra tranh chấp.

Anh T khai rằng trước đây bố mẹ anh chỉ cho bà L ở nhờ trên đất, có viết giấy cho bà L mượn đất nhưng anh không xuất trình được, ngoài ra anh cũng không có chứng cứ chứng minh.

[2.6] Như vậy có căn cứ để xác định việc chuyển quyền chuyển quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị N1 và bà Khương Thị L là có thật và hợp pháp. Bà L đã sử dụng ổn định lâu dài không có tranh chấp, thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của người Sử dụng đất nên được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 200m². Yêu cầu đòi quyền sử dụng đất của anh T đối với diện tích đất bà L đang Sử dụng là không có căn cứ chấp nhận.

[2.7] Đối với yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của nguyên đơn: Do Biên bản chuyển quyền sử dụng đất đại ngày 14/10/1993 là có hiệu lực nên việc sử dụng đất của bà L là hợp pháp và việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện Nghĩa Hưng đối với diện tích đất 200m² tại thửa số 104-1 tờ bản đồ số 5, xã Nghĩa Châu, cấp ngày 12/12/2004 cho bà Khương Thị L là đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật nên không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà L.

[3] Từ sự phân tích nhận định nêu trên, xét thấy quyết định của bản án sơ thẩm là có căn cứ và đúng pháp luật. Yêu cầu kháng cáo của anh T là không có căn cứ nên không được chấp nhận. Vì vậy cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải nộp chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá theo quy định của pháp luật (Anh T đã nộp đủ)

[5] Án phí dân sự: Anh Khương Văn T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Bà Khương Thị L không phải nộp án phí dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Giữ nguyên bản dân sự sơ thẩm số 26/2020/DS – ST ngày 29 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng.

Căn cứ vào Điều 160, 161, 165, 166 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147, 148, 157 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Khương Văn T về việc đòi quyền sử dụng diện tích đất 200m² tại thửa 104-1 tờ bản đồ số 5, xã Nghĩa Châu đối với bà Khương Thị L và không chấp nhận việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X860332, ngày 12 tháng 12 năm 2004 của Ủy ban nhân dân huyện Nghĩa Hưng đã cấp cho bà Khương Thị L đối với diện tích 200m² đất tại thửa số 104-1 tờ bản đồ số 5, xã Nghĩa Châu, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định.

2. Chi phí tố tụng: Anh Khương Văn T phải nộp 3.480.000đ (Ba triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Anh T đã nộp đủ chi phí tố tụng.

3. Án phí dân sự: Anh Khương Văn T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được đối trừ số tiền anh T đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm là 300.000 đồng theo biên lai số 0000899 ngày 03 tháng 03 năm 2020 và 300.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số 0001806 ngày 13/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nghĩa Hưng. Anh T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nam Định;
- TAND huyện Nghĩa Hưng;
- Chi cục THADS huyện Nghĩa Hưng;
- Các đương sự;
- L HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Nguyễn Tiến Dũng
(Đã ký)**